CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sơn Hà Sài Gòn

Ngày 30/09/2025	4,320 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.2%	**12.0%**	**8.3%**

DT thuần
Q3/25
299
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.0| 4.6%

LN thuần
Q3/25
3.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.39| -41.1%
YoY: ▼1.56| -31.3%

LN sau thuế
Q3/25
2.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.47| -45.3%
YoY: ▼1.33| -30.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
3.9%
YoY: +/-▼ 1.2%

ROE (TTM)
Q3/25
3.3%
YoY: +/-▼ 0.3%

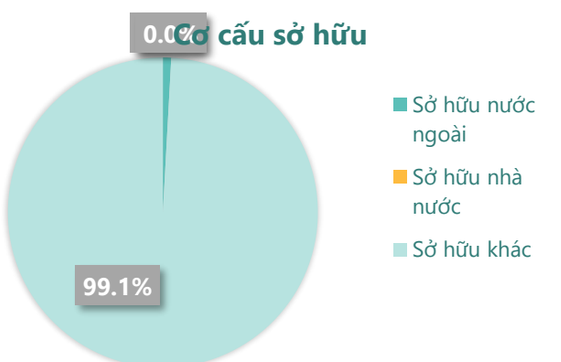
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,676 - 4,210
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	144
Số lượng CPLH (CP)	33,446,675
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,115
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.41
EPS	431
P/E	10.0

DT thuần
9T 2025
864
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0| 3.4%

LN thuần
9T 2025
15.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.50| 10.8%

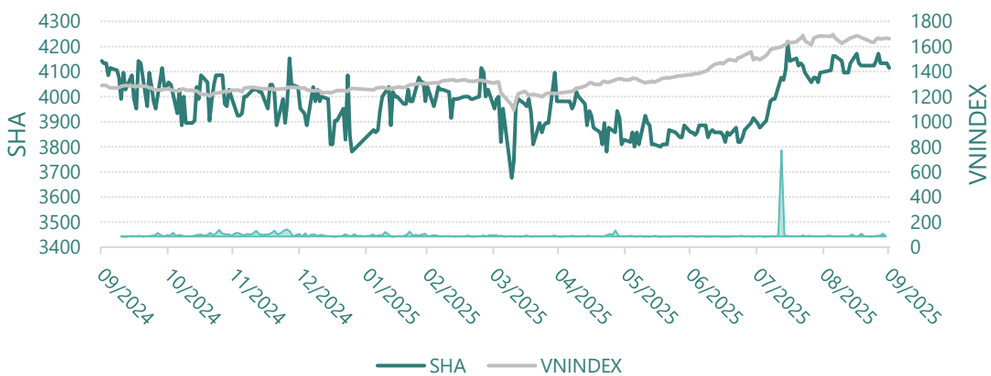
LN sau thuế
9T 2025
12.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.50| 4.1%

Cơ cấu sở hữu

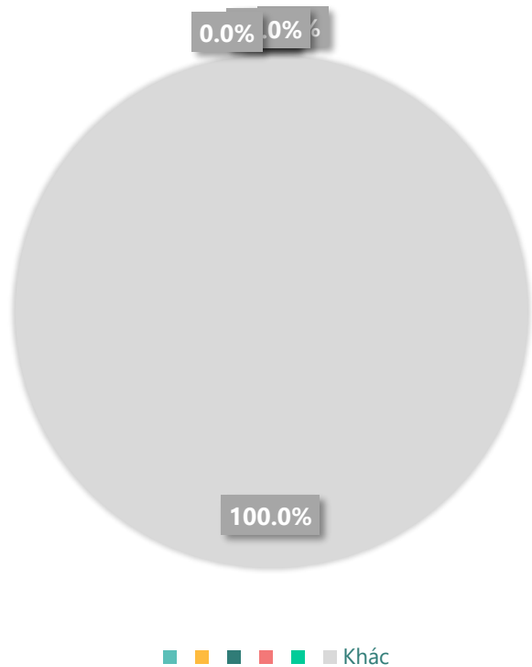


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



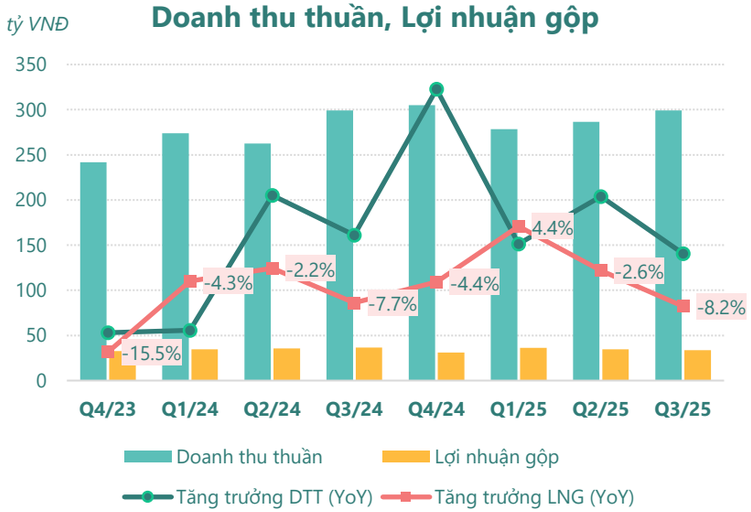
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

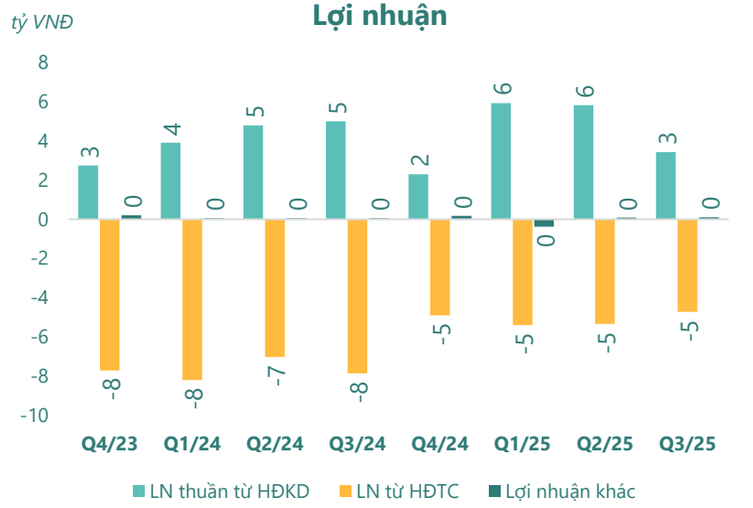
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



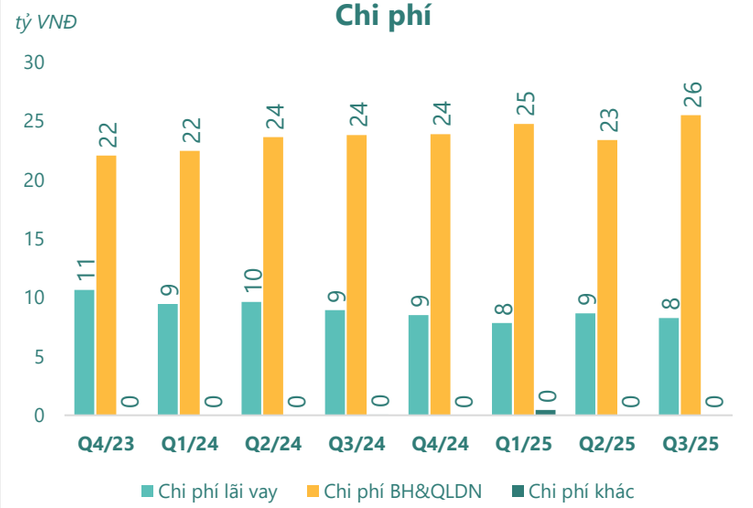
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



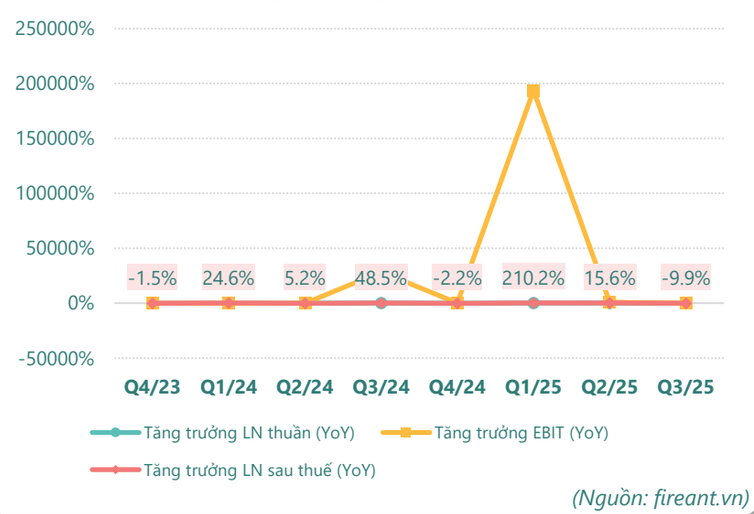
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



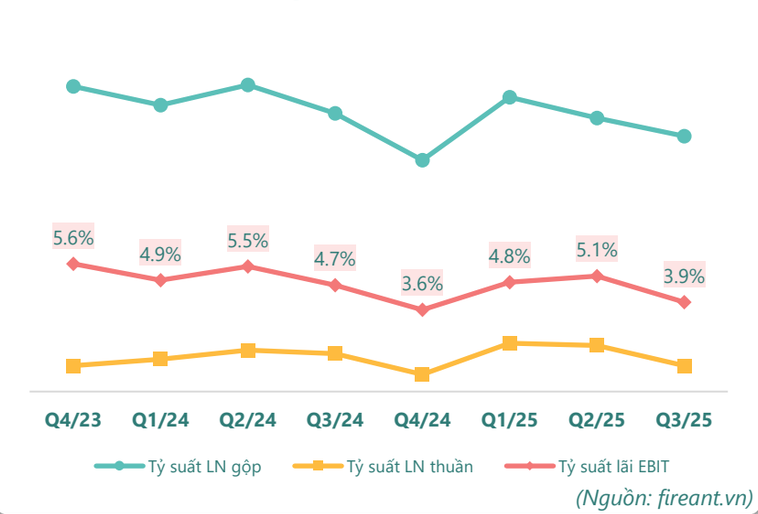
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



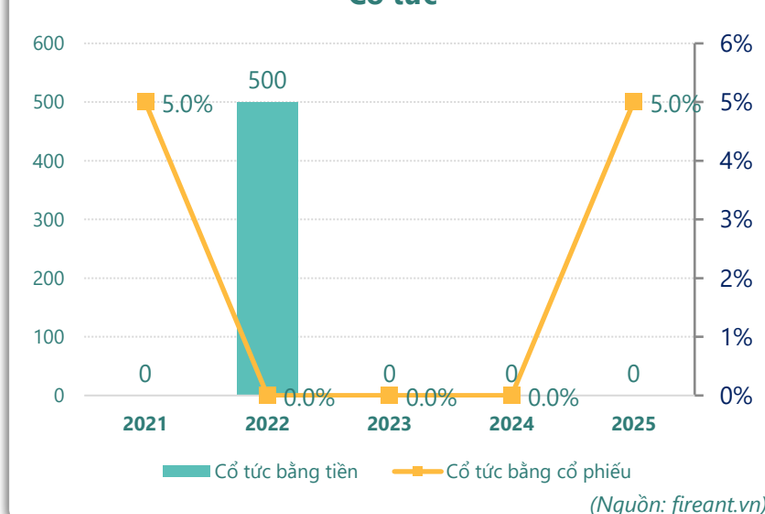
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

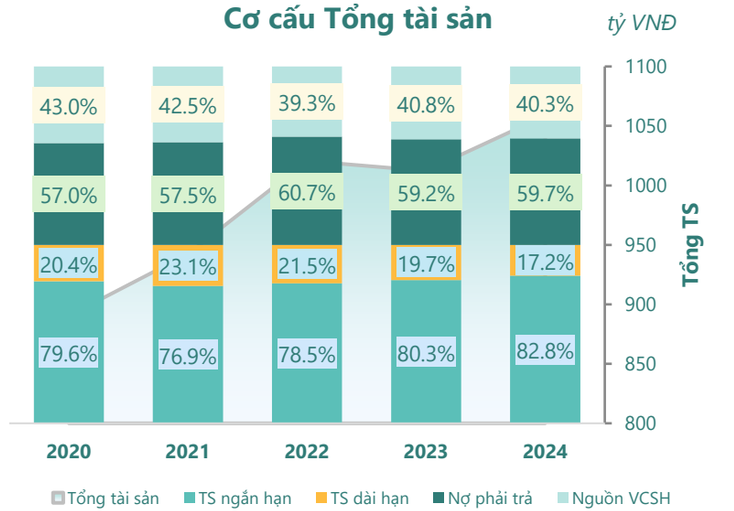
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

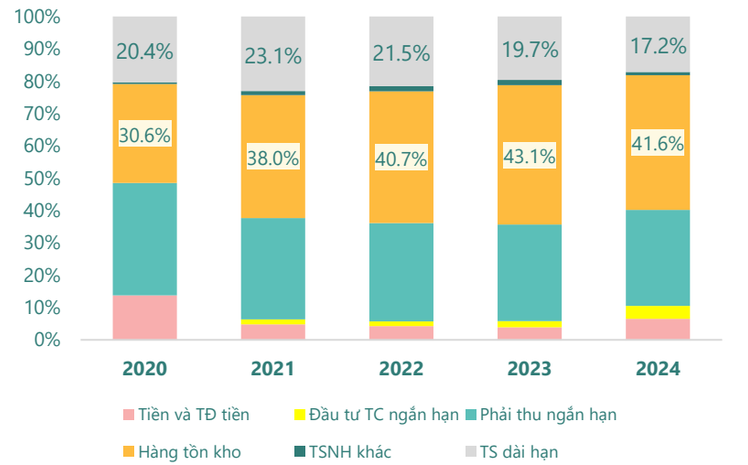
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



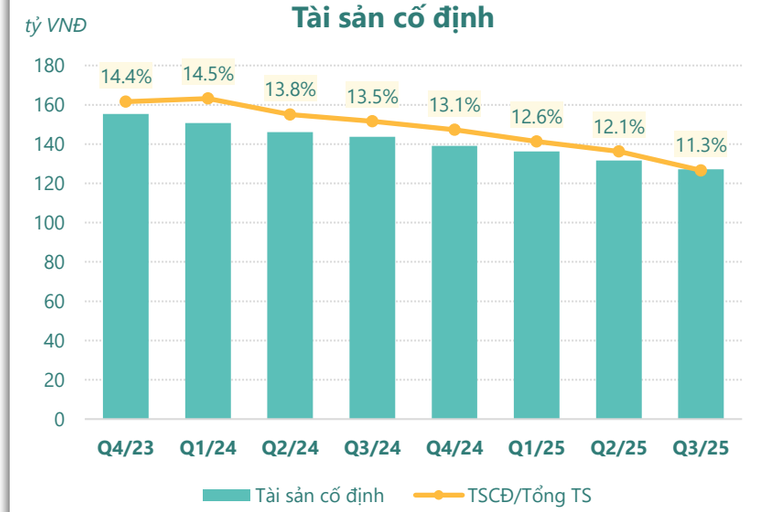
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



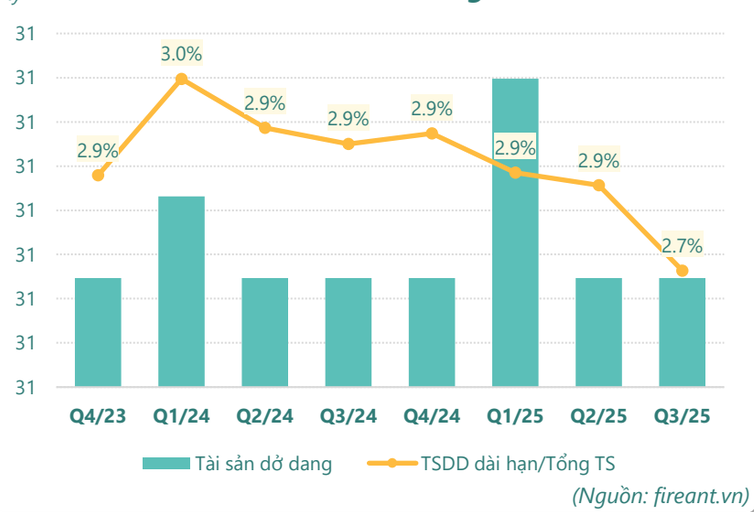
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



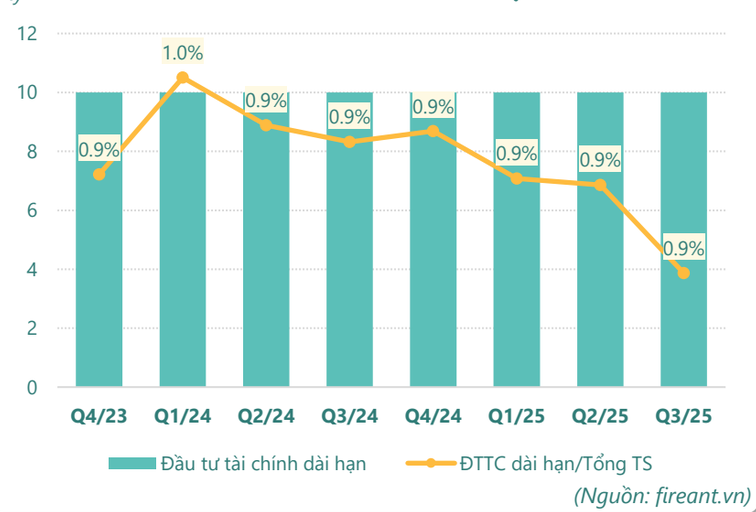
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



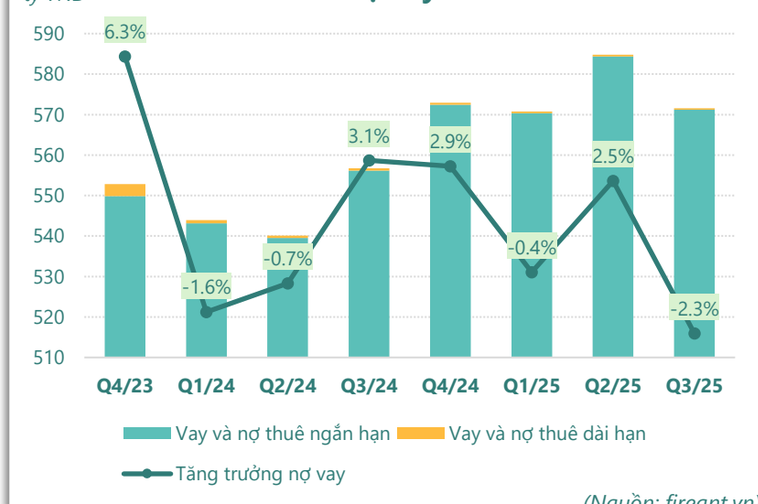
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

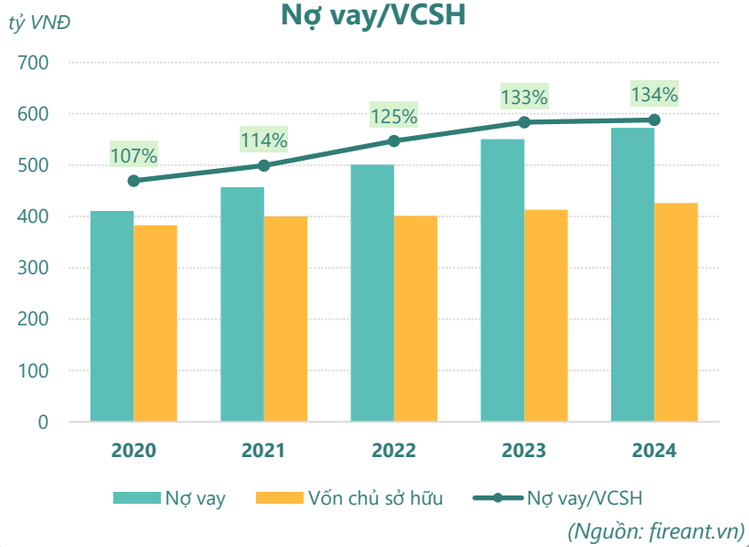
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

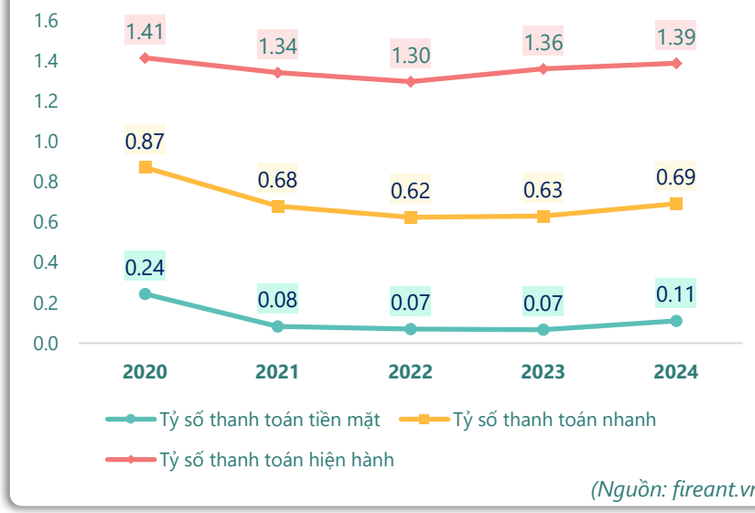
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



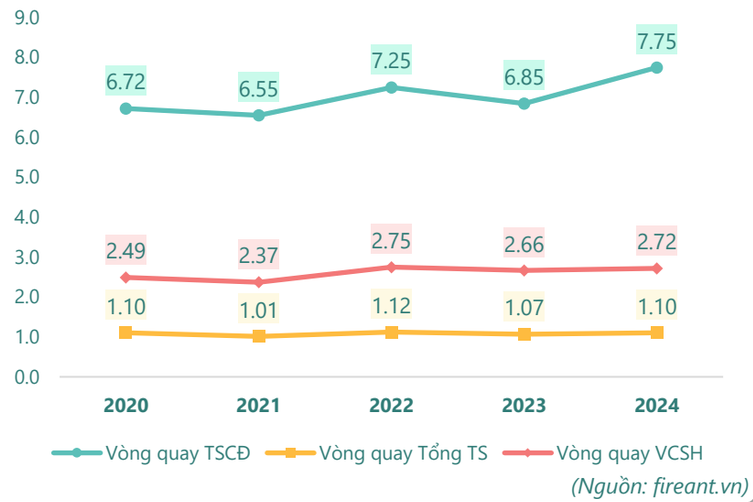
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



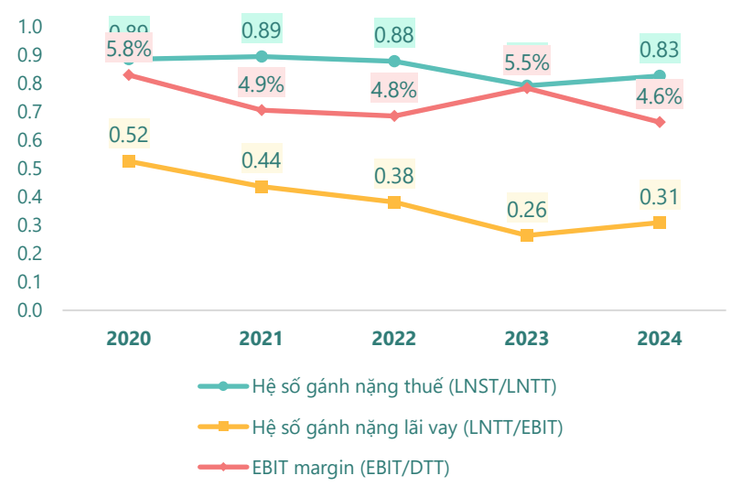
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



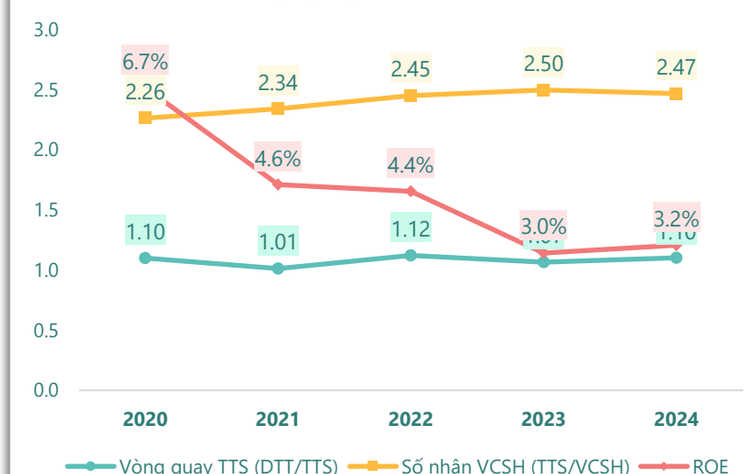
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



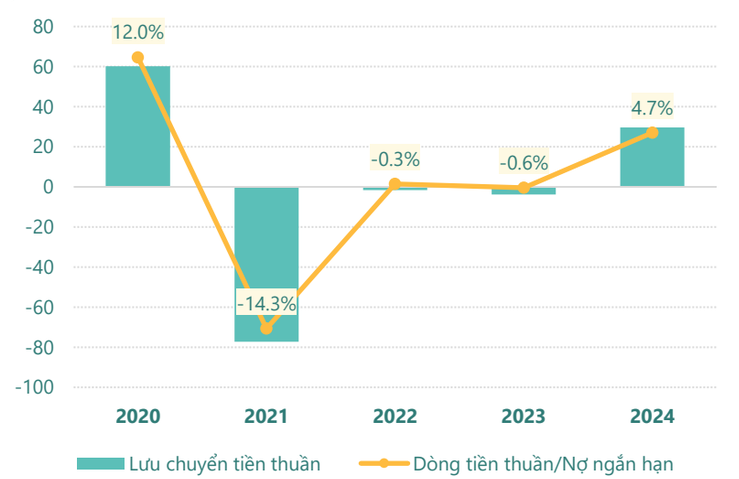
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**299**	**299**	**0.1%**	**864**	**835**	**3.4%**
Giá vốn hàng bán	266	262	1.4%	760	729	4.3%
Lợi nhuận gộp	33.7	36.7	-8.2%	104	107	-2.3%
Doanh thu HĐTC	3.54	1.09	225%	9.34	4.98	87.6%
Chi phí TC	8.27	8.95	-7.5%	24.8	28.1	-11.6%
Chi phí lãi vay	8.27	8.95	-7.6%	24.8	28.1	-11.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	18.3	18.2	0.7%	55.2	52.5	5.1%
Chi phí QLDN	**7.18**	**5.67**	**26.7%**	**18.5**	**17.5**	**6.0%**
LN thuần từ HĐKD	3.43	4.99	-31.3%	15.2	13.7	10.8%
Lợi nhuận khác	**0.10**	**0.06**	**69.3%**	**-0.19**	**0.16**	**-217%**
LN trước thuế	3.53	5.05	-30.1%	15.0	13.9	8.2%
Lợi nhuận sau thuế	**2.99**	**4.32**	**-30.8%**	**12.3**	**11.8**	**4.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.99**	**4.32**	**-30.8%**	**12.3**	**11.8**	**4.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.00	11.5	5.53	-11.6	-4.32	3.13
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.8	2.98	-6.28	-1.72	-3.66	3.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.92	16.6	14.0	-2.13	14.0	-13.5
Tiền đầu kỳ	36.2	41.1	72.1	69.4	53.9	59.9
Lưu chuyển tiền thuần	**4.90**	**31.1**	**13.3**	**-15.5**	**6.01**	**-7.23**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	41.1	72.1	85.4	53.9	59.9	52.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,130**	**1,059**	**6.7%**
Tài sản ngắn hạn	936	877	6.8%
Tiền và tương đương tiền	52.7	69.4	-24.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.2	42.2	-37.9%
Phải thu ngắn hạn	393	314	24.9%
Hàng tồn kho	458	440	3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	6.76	10.3	-34.3%
Tài sản dài hạn	**194**	**182**	**6.6%**
Phải thu dài hạn	23.2	0.25	9171%
Tài sản cố định	127	139	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	31.0	31.0	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.51**	**1.68**	**49.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	691	632	9.3%
Nợ ngắn hạn	**691**	**632**	**9.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	571	572	-0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	102	37.1	176%
Nợ dài hạn	0.56	0.74	-24.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.35	0.51	-32.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**438**	**426**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**438**	**426**	**2.8%**
Vốn điều lệ	334	334	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)